

Số: 09/2023/QĐST-DS

Thường Tín, ngày 18 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 348, 351, 355, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 13; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L H, phường L H, quận Đ, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông N - Chức danh: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P - Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý (*Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020*).

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Lg, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V. (*Văn bản ủy quyền số 2860/2021/UQ-LCC-PUNKHCNMB ngày 26/10/2021*).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Cùng trú tại: Xóm T, xã H, huyện T, Thành phố H.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Thành N và vợ là bà Nguyễn Thị T xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 247.367.284 đồng (*Hai trăm bốn bảy triệu, ba trăm sáu bảy nghìn, hai trăm tám mươi tư đồng*) gồm 129.665.248 đồng nợ gốc; 91.416.223 đồng nợ lãi trong hạn; 26.285.813 đồng nợ lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng số LN1910251808438 ngày 29/10/2019 và Hợp đồng tín dụng số LN1911211894297 ngày 25/11/2019, tính đến ngày 10/4/2023. Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số LN1910251808438 nợ gốc: 129.665.248 đồng; Nợ lãi trong hạn: 26.703.048 đồng; Lãi quá hạn: 17.068.183 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số LN1911211894297 nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 64.713.175 đồng; Lãi quá hạn: 9.217.630 đồng.

- Kể từ ngày 11/4/2023, ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số LN1910251808438 ngày 29/10/2019 và Hợp đồng tín dụng số LN1911211894297 ngày 25/11/2019 đối với số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị T đồng ý trả toàn bộ số tiền là 247.367.284 đồng (*Hai trăm bốn bảy triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi tư đồng*) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 11/4/2023 (lãi suất tính theo Hợp đồng tín dụng số LN1910251808438 ngày 29/10/2019 và Hợp đồng tín dụng số LN1911211894297 ngày 25/11/2019) cho Ngân hàng TMCP V khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Trường hợp ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 200(1); tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Thôn Văn Giáp, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 876080 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 15/10/2019 mang tên Nguyễn Thị T; Hợp đồng thế chấp công chứng số 4379/2019 quyền số 04-2019 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 29/10/2019, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ số công chứng 4865/2019 quyền số 04-2019 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/11/2019; Phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐ số công chứng 287/2020 quyền số 01-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 16/01/2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Khôi - Thành phố Hà Nội, để thu hồi nợ.

+ Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp mà vẫn không thanh toán được hết nợ thì ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán nốt khoản nợ.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 6.184.000 đồng (*Sáu triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.850.000 đồng tại biên lai thu số AA/2020/23168 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín - Thành phố Hà Nội.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Thường Tín.
- Chi cục THA huyện Thường Tín.
- Dương sự.
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Trung Hòa